

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành theo Quyết định số 78/QĐ-ĐHHD ngày 21 tháng 5 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam
 - + Tiếng Anh: Doctoral of Vietnamese history
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229013
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ Thời gian đào tạo: 03-05 năm (36-60 tháng)
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam
 - + Tiếng Anh: Doctoral of Vietnamese history
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Hồng Đức

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Nhằm đào tạo các chuyên gia về lĩnh vực Lịch sử Việt Nam có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; giải quyết tốt các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn giáo dục.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm tốt các công tác giảng dạy; nghiên cứu khoa học; tổ chức và lãnh đạo các tổ chức nghiên cứu khoa học ở trường đại học, học viện; làm công tác quản lý tại các Sở Giáo dục, Bộ Giáo dục, Học viện, Viện nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

NCS học xong chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam:

- Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học Lịch sử, về Lịch sử Việt Nam, có nền tảng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử, khoa học liên ngành; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường giáo dục; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

- Nâng cao khả năng tự nghiên cứu về khoa học lịch sử, nhất là những vấn đề lịch sử Việt Nam, có năng lực nghiên cứu độc lập và làm chủ lĩnh vực chuyên sâu mà mình lựa chọn.

- Có năng lực đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội và khả năng hội nhập quốc tế của Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp, có năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành được đào tạo.

2.2.2. Về kĩ năng

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam được nâng cao năng lực về phương pháp luận nghiên cứu lịch sử, về khả năng độc lập nghiên cứu, về năng lực sáng tạo khoa học trong nghiên cứu quy luật phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội... trong lịch sử Việt Nam.

1.2.2.1. Kĩ năng cứng

- Kĩ năng thu thập, phân tích, tổng hợp các vấn đề thời sự trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam;

- Kĩ năng phát hiện vấn đề mới, phức tạp nảy sinh và xây dựng các giả thuyết xung quanh vấn đề đó;

- Kĩ năng xác định các giải pháp (vùng kiến thức, nhóm kĩ năng và các phương pháp khoa học tương ứng) liên quan tới các giả thuyết nêu trên;

- Kĩ năng phân tích, lựa chọn phương pháp, biện pháp, giải pháp có ưu thế giải quyết vấn đề mới và chứng minh tính đúng đắn của việc lựa chọn đó;

- Kĩ năng thi hành các giải pháp được lựa chọn để giải quyết vấn đề mới;

- Kĩ năng trình bày, lập luận có hệ thống và thuyết phục đối với các kết quả nghiên cứu giải quyết vấn đề mới.

- Ngoại ngữ: Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh vào việc đọc hiểu, viết, phản biện, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học một cách chủ động.

1.2.2.2. Kĩ năng mềm

- Lãnh đạo nhóm: Tổ chức xây dựng, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm nghiên cứu;

- Truyền thông: Phổ biến, truyền đạt ý tưởng khoa học và kết quả nghiên cứu mới;

1.2.3. Về khả năng và vị trí công tác

NCS chuyên ngành Lịch sử Việt Nam sau khi tốt nghiệp có thể đảm đương các vị trí công tác như sau:

- Tổ chức nghiên cứu: Nghiên cứu sau Tiến sĩ (PostDoc); Thành viên nhóm nghiên cứu tiên tiến; Trưởng nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo nhóm nghiên cứu; Lãnh đạo tổ chức...;

- Trường đại học: Trợ lý Phó Giáo sư, Giáo sư; Lãnh đạo nhóm nghiên cứu...;

- Trường Trung học, cơ quan quản lí giáo dục: Chuyên viên, cán bộ quản lí ngành, giáo viên...;

- Các viện, tổ chức, cơ quan nghiên cứu: Nghiên cứu viên, thành viên chủ chốt, lãnh đạo dự án đổi mới...;

- Các cơ quan báo chí, xuất bản và các cơ quan quản lý văn hóa có liên quan đến văn học Việt Nam: Chuyên viên, cán bộ quản lý...;

1.2.4. Về phẩm chất đạo đức

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Trung thực, công bằng, có trách nhiệm (bản thân, gia đình, tổ chức, bạn bè, xã hội), trung thành với Tổ quốc và tổ chức, tôn trọng sự học (tình thầy - trò, tình bạn đồng môn, tinh thần học tập suốt đời), dám đương đầu với khó khăn, thử thách...;

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Có tính kỷ luật, có khả năng hoàn thành công việc dưới áp lực, có ý thức tôn trọng và làm giàu thêm văn hóa và tài sản của tổ chức...;

- Phẩm chất đạo đức xã hội: Chân thành, độ lượng, có lòng vị tha, yêu cái tốt, ghét cái xấu, tôn trọng luật lệ và tính đa dạng xã hội...

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Đối tượng là Thạc sĩ: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức;

- Đối tượng là Cử nhân: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức kết hợp thi tuyển

+ Môn thi cơ bản: Lịch sử Việt Nam

+ Môn thi cơ sở: Phương pháp luận sử học

3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Cử nhân các ngành: Lịch sử (Cử nhân/Sư phạm), Lịch sử- Quản lý Di tích, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng.

- Thạc sĩ các chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lý luận dạy học và PPDH Lịch sử, Việt Nam học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Giáo dục chính trị, Quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học.

3.3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần

- *Ngành đúng*: Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam

- *Ngành phù hợp*:

+ Đại học Sư phạm Lịch sử, Lịch sử, Lịch sử- Quản lý Di tích, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng.

+ Thạc sĩ Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH Lịch sử.

- *Ngành gần*: Thạc sĩ Việt Nam học, Giáo dục chính trị, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học.

PHẦN II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ (đối với người tốt nghiệp Thạc sĩ ngành đúng), 103 tín chỉ (đối với người tốt nghiệp Thạc sĩ ngành gần), 120 tín chỉ (đối với người tốt nghiệp Đại học ngành đúng/phù hợp)

- Cấu trúc chương trình gồm 3 phần:

Phần 1. Các học phần bổ sung (30 TC)

Phần 2. Các học phần ở trình độ Tiến sĩ (11 TC), các chuyên đề Tiến sĩ (6TC),
Tiểu luận tổng quan (3 TC), Tổng: 20 TC

Phần 3. Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ (70 TC)

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Năm thứ	Bộ môn quản lý HP/CĐ
				Lý thuyết	Bài tập thảo luận	Thực hành	Tự học			
	Phần 1. Các học phần bổ sung		30							
I	Phần kiến thức chung		4							
1	BSTH1	Triết học	4	36	48		180	1	Nguyên lý	
II	Phần kiến thức cơ sở		10							
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		6							
2	BSPP2	Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu lịch sử	2	18	24		90	1	LS	
3	BSVN3	Quá trình phát triển các hình thái kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam	2	18	24		90	1	LS	
4	BSHN4	Vấn đề văn hóa Đông Nam Á và lịch sử quá trình hội nhập	2	18	24		90	1	LS	
	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong số 6 học phần) sau</i>		4							
5	BSGP5	Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam	2	18	24		90	1	LS	
6	BSTN6	Thành phần tộc người và quan hệ tộc người ở Việt Nam	2	18	24		90	1	LS	

7	BSPT7	Quan hệ giữa các nước phương Tây với các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đến XIX	2	18	24		90	1	LS
8	BSPL8	Một số vấn đề về nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	2	18	24		90	1	LS
9	BSQT9	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời cổ trung đại	2	18	24		90	1	LS
10	BSQT10	Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước Âu - Mỹ từ năm 1897 đến năm 1945	2	18	24		90	1	LS
III	Phần kiến thức chuyên ngành		16						
	Các học phần bắt buộc		10						
11	BSĐT11	Một số vấn đề về làng xã Việt Nam	2	18	24		90	1	LS
12	BSCĐ12	Triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc	2	18	24		90	1	LS
13	BSQS13	Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật Quân sự Việt Nam	2	18	24		90	1	LS
14	BSDT14	Xu hướng Duy Tân đất nước ở Việt Nam thời cận đại	2	18	24		90	1	LS
15	BSTT15	Một số vấn đề về Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam	2	18	24		90	1	LS
	Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong số 6 học phần)		6						
16	BSRĐ16	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	2	18	24		90	1	LS
17	BSLX17	Một số vấn đề Kinh tế - Xã hội Việt Nam từ 1986 đến nay	2	18	24		90	1	LS
18	BSTH18	Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc	2	18	24		90	1	LS

19	BSCN19	Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX	2	18	24		90	1	LS
20	BSCT20	Các Đảng phái chính trị Việt Nam trước năm 1945	2	18	24		90	1	LS
21	BSCM21	Một số vấn đề về trí thức Việt Nam trong lịch sử	2	18	24		90	1	LS
Phần 2. Các học phần, chuyên đề Tiến sĩ và tiểu luận tổng quan			20						
I	Các học phần tiến sĩ		11						
	Bắt buộc		7						
1	HPQG1	Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam	3	27	36		135	2	LS
2	HPCX2	Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội trong lịch sử trung đại Việt Nam	4	36	48		180	2	LS
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong số 6 học phần sau)			4						
3	HPTT3	Một số vấn đề về văn hóa-tư tưởng trong lịch sử Việt Nam	4	36	48		180	2	LS
4	HPKT4	Một số vấn đề về chuyển biến kinh tế, xã hội và văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại	4	36	48		180	2	LS
5	HPCB5	Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận-hiện đại	4	36	48		180	2	LS
6	HPNX6	Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình lịch sử Việt Nam	4	36	48		180	2	LS
7	HPDT7	Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam	4	36	48		180	2	LS
8	HPLT8	Một số vấn đề về quá trình hình thành lãnh thổ và chủ	4	36	48		180		LS

		quyền của Việt Nam						
II	Các chuyên đề tiến sĩ (bắt buộc)		6					
12	CĐTS1	Chuyên đề 1	3					LS
13	CĐTS2	Chuyên đề 2	3					LS
III	Tiểu luận tổng quan		3					
	Phần 3. Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ		70					
	Tổng cộng		120					

3. Mô tả tóm tắt học phần

3.1. Các học phần bổ sung

3.1.1. *Triết học/ Philosophy*

4 TC (36, 48, 180)

Giảng dạy học phần Triết học theo chương trình quy định đối với đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.2. *Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu lịch sử/ Towards a methodology for historical research*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trình bày một số vấn đề cơ bản về lí thuyết sử học bao gồm: đối tượng sử học, tư tưởng sử học, nhận thức lịch sử, lí thuyết sử liệu học, mô hình thiết kế lịch sử... Những vấn đề trên nhằm giúp học viên hiểu rõ nội hàm khái niệm “lịch sử” và “sử học”. Học phần còn trình bày lí luận và hệ thống các phương pháp nghiên cứu lịch sử.

3.1.3. *Quá trình phát triển các hình thái kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam/ Process of Socio-Economic Forms in Vietnamese History*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần làm rõ đối tượng và phương pháp nghiên cứu, khái quát về quá trình chính trị trong lịch sử Việt Nam, sự chuyển biến về kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam, những quy luật chủ yếu, những chế độ chính trị và vai trò, ý nghĩa của chúng đối với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam theo phân kì gồm: thời đại Hùng Vương; thời kì bắc thuộc; thời kì phát triển nền độc lập dân tộc từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV; thời Lê sơ; thời Lê mạt; thời Tây Sơn; thời Nguyễn; dưới chế độ thực dân; dưới chế độ dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa kể từ 1945 đến nay.

3.1.4. *Vấn đề văn hóa Đông Nam Á và lịch sử quá trình hội nhập/ Southeast Asian and the Integration Process of Vietnam*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung làm sáng tỏ hai khái niệm về văn hóa (dưới góc độ chính trị và góc độ văn hóa) để từ đó đi sâu phân tích nội hàm đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á truyền thống (văn hóa làng xã, văn hóa trống đồng...). Trên cơ sở cái nhìn truyền thống, học phần thảo luận vấn đề văn hóa Đông Nam Á trong bối cảnh của các thời kì hội nhập, từ khi tiếp xúc với văn hóa Ấn-Hoa, qua giai đoạn giao lưu với văn hóa phương Tây đến giai đoạn kinh tế thị trường và hội nhập hiện đại...

3.1.5. *Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam/ President Ho Chi Minh with the cause of national liberation of Vietnam.*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; phân tích, đánh giá những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên hai phương diện lí luận và thực tiễn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam, góp phần vào việc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thông qua quá trình hoạt động lí luận và tổ chức thực tiễn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh để làm rõ: sự phát triển ngày càng phong phú, đa dạng và sáng tạo tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh – một nhà tư tưởng cách mạng mác – xít sáng tạo; những biến đổi cách mạng vĩ đại của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh.

3.1.6. *Thành phần tộc người và quan hệ tộc người Việt Nam/ Ethnic and Ethnical Relations in Vietnam*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho học viên những tri thức chuyên sâu về hai vấn đề cơ bản trong dân tộc học: thành phần tộc người và các quan hệ tộc người ở Việt Nam. Cụ thể là: môn học tập trung phân tích và thảo luận các tiêu chí xác định thành phần tộc người, danh mục các thành phần dân tộc, quan hệ dân tộc từ các góc độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở Việt Nam, và ở mức độ nhất định có so sánh với khu vực và thế giới. Sinh viên học chuyên đề này có khả năng nắm bắt được các lí thuyết, các kĩ năng phân tích vấn đề tộc người và quan hệ tộc người ở Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới.

3.1.7. *Quan hệ giữa các nước phương Tây với các nước Đông Nam Á từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa phương Tây với các quốc gia Đông Nam Á trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, tôn giáo từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Trên cơ sở đó, so sánh, đối chiếu và nhận thức được phương thức của một số nước phương Tây trong quá trình quan hệ với Đông Nam Á cũng như cách ứng xử của một số nước Đông Nam Á đối với các nước phương Tây. Những hệ quả của mối quan hệ này đối với các quốc gia phương Tây và Đông Nam Á.

3.1.8. *Một số vấn đề về nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam/Major Issues of State and Law in Vietnamese History*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện về quá trình hình thành, phát triển và thay thế của các mô hình nhà nước, thể chế chính trị cùng hệ thống pháp luật ở Việt Nam từ thời dựng nước đến hiện tại; về mối quan hệ giữa thiết chế chính trị với các yếu tố kinh tế, văn hoá, xã hội; tác động của những yếu tố truyền thống, các thiết chế phi quan phương đến nhà nước và pháp luật qua các thời kỳ lịch sử.

3.1.9. *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời cổ trung đại - Vietnam's socio- economic structure in the Medieval and Middle Ages.*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện về cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam qua các thời kì: công xã nguyên thủy, dựng nước, Bắc thuộc đến thời phong kiến; chỉ ra tác động của những điều kiện tự nhiên, của các nhân tố lịch sử, chính trị, văn hóa tới cơ cấu kinh tế - xã hội; đặc điểm và xu thế phát triển của cơ cấu kinh tế - xã hội trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam.

3.1.10. *Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước Âu - Mỹ từ năm 1897 đến năm 1945/ Trade relations between Vietnam and European- American nations in the period of 1897 to 1945*

2TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những nhân tố tác động và luận giải nguyên nhân thăng trầm trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia Âu, Mỹ giai đoạn 1897 – 1945; đánh giá chính sách của thực dân Pháp ở Việt Nam, bản chất và tác động của nó đến ngoại thương và kinh tế Việt Nam.

Dựng lại tiến trình hoạt động giao thương giữa Việt Nam với các nước Âu, Mỹ từ 1897 đến 1945; đánh giá thực trạng, đặc điểm và tác động của mối quan hệ này đối với tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam đương thời.

3.1.11. Một số vấn đề về làng xã Việt Nam/ Major Issues of the Vietnamese Villages

2TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển của làng xã Việt Nam trong lịch sử; những đặc điểm về kết cấu kinh tế, cơ cấu tổ chức và kết cấu xã hội, đời sống văn hoá xóm làng; một số loại hình làng Việt tiêu biểu; và vấn đề nông dân trong lịch sử Việt Nam.

3.1.12. Triều Nguyễn trong Lịch sử dân tộc/ Nguyen Dynasty in Vietnamese history.

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lịch sử chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc. Từ đó đưa ra các quan điểm đánh giá về vai trò của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.

3.1.13. Lịch sử chống ngoại xâm và những vấn đề về nghệ thuật quân sự Việt Nam/ History of Anti-invasion and Main Issues of Vietnamese Military Arts

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức về lịch sử chống ngoại xâm trong thời kì cổ trung đại. Nội dung của lịch sử giữ nước, mối liên quan giữa lịch sử giữ nước và dựng nước của dân tộc Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử. Từ đó có những hiểu biết cụ thể về những đặc điểm có tính quy luật trong khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

3.1.14. Xu hướng duy tân đất nước ở Việt Nam thời cận đại/ The Reformist Tendencies in Vietnamese history

3 TC (27, 36, 135)

Điều kiện tiên quyết: Không

Thông qua việc giới thiệu, phân tích nguyên nhân, bối cảnh một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam (cải cách của Khúc Hạo, Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mệnh, xu hướng duy tân đất nước cuối thế kỉ XIX, phong trào cải cách đầu thế kỉ XX ...), nội dung chuyên đề cung cấp cái nhìn căn bản về các xu hướng duy tân đất nước trong lịch sử, về điều kiện, đặc điểm hình thành và phát triển, bài học về các cuộc cải cách trong lịch sử.

3.1.15. Một số vấn đề về Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam/ Major Issues of the August Revolution in 1945 in Vietnam

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp nghiên cứu, sử liệu liên quan đến lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám (CMTT), đặc biệt là những sử liệu bằng tiếng nước ngoài. Giới thiệu và hướng dẫn người học tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu về những nội dung cơ bản của cuộc CMTT, tham gia thảo luận về một số vấn đề đã và đang được các nhà khoa học trong nước và nước ngoài tranh luận. Thông qua học phần này, người học nắm những nội dung cơ bản của cuộc vận động CMTT, vai trò và tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài đối với quá trình CMTT; tính chất, đặc điểm và ý nghĩa của CMTT trong diễn trình lịch sử dân tộc.

3.1.16. *Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam/ Research on Vietnamese land-tenure policy in the Medieval and Middle Ages history.*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Trong xã hội tiền tư bản, ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu. Nghiên cứu vấn đề ruộng đất sẽ góp phần giải quyết hai vấn đề: Kinh tế nông nghiệp trong quá trình lịch sử và; các quan hệ xã hội đằng sau các quan hệ ruộng đất. Việt Nam là một nước nông nghiệp, ruộng đất là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với nền kinh tế và toàn xã hội. Nghiên cứu sự biến đổi của các quan hệ ruộng đất trong lịch sử có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc. Dưới góc độ của khoa học lịch sử, Chế độ ruộng đất trong lịch sử Cổ trung đại Việt Nam sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện về chính sách ruộng đất của các chính quyền Nhà nước và tình hình ruộng đất ở Việt Nam từ thời dựng nước đến trước khi Thực dân Pháp xâm lược. Những kiến thức đó giúp người học nắm rõ và lý giải được nhiều nội dung, vấn đề của lịch sử; hiểu biết sâu sắc hơn về diễn tiến của các hình thái kinh tế - xã hội; đồng thời là cơ sở khoa học góp phần giải quyết những vấn đề về ruộng đất, nông dân, nông nghiệp hiện nay.

3.1.17. *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam từ năm 1986 đến nay/ The economic and social issues of Vietnam from 1986 to present*

2TC (18 - 24 - 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập đến các vấn đề: tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam trước đổi mới; đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam; quá trình đổi mới và thành tựu của công cuộc đổi mới. Từ lát cắt của các vấn đề biến đổi cơ cấu kinh tế xã hội có thể thấy rõ hơn diện mạo lịch sử của một dân tộc, một xã hội ở một thời điểm cụ thể nào đó. Vì thế tìm hiểu về một số vấn đề kinh tế xã hội (chủ yếu là biến đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội) ở Việt Nam từ 1986 đến nay cho thấy rõ hơn bối cảnh lịch sử, tiến

trình biến đổi, thành tựu và cả những hạn chế trong công cuộc thực hiện đổi mới ở Việt Nam trong vài chục thập kỷ cuối thế kỷ trước.

3.1.18. *Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử Việt Nam/ Thanh Hoa in Vietnamese history*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, dân cư, các vùng kinh tế, tiềm năng và xu hướng phát triển của Thanh Hóa. Đặc biệt chuyên đề cung cấp cho học viên bức tranh về Thanh Hóa trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc từ thời tiền sử - sơ sử đến năm 2000. Từ đó học viên được bồi dưỡng thêm về tình yêu quê hương, hiểu biết thêm về đóng góp của nhân dân Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử Việt Nam, nâng cao ý thức trách nhiệm, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

3.1.19. *Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XXI In search of national salvation in Vietnam in the early twentieth century.*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nêu lên sự thất bại của con đường cứu nước theo lập trường phong kiến cuối thế kỷ XIX, phân tích bối cảnh và yêu cầu đặt ra của lịch sử dân tộc về con đường cứu nước ở đầu thế kỷ XX. Nội dung chính của học phần là làm sáng rõ khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, nhất là sự lựa chọn giữa con đường cách mạng tư sản và cách mạng vô sản của dân tộc ta diễn ra trong những năm 20 của thế kỷ XX. Và cuối cùng, lịch sử dân tộc, nhân dân Việt Nam đã lựa chọn cho mình con đường cách mạng vô sản - đáp ứng được yêu cầu của lịch sử dân tộc và phù hợp với xu thế thời đại.

3.1.20. *Các đảng phái chính trị Việt Nam trước năm 1945/ Political Parties in Vietnam before 1945*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu lý luận chung về các đảng phái chính trị; cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về điều kiện hình thành, sự ra đời, hệ tư tưởng, quá trình phát triển và kết quả hoạt động của các chính đảng ở Việt Nam thời cận đại.

3.1.21. *Một số vấn đề về trí thức Việt Nam trong lịch sử/ Major Issues of Vietnamese Intellectuals in History.*

2 TC (18, 24, 90)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu khái quát thành tựu nghiên cứu của những học giả đi trước trong và ngoài nước và gợi mở những hướng nghiên cứu mới, các nguồn tài liệu để tìm hiểu về trí thức Việt Nam. Thuật ngữ trí thức, cơ cấu, chức năng và đặc điểm của tầng lớp trí

thức Việt Nam theo quan điểm mác xít. Sự hình thành và phát triển của trí thức Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Nêu bật vai trò của trí thức đối với lịch sử, cách mạng và dân tộc Việt Nam. Chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam. Một số giải pháp trong việc hoạch định, xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong hiện tại và tương lai

3.2. Các học phần, chuyên đề Tiến sĩ

3.2.1. Sự hình thành và phát triển các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam/The formation and development of ancient States on the Vietnamese territory.

4 TC (36, 48, 180)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu khái quát về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái và các quá trình tộc người trên lãnh thổ Việt Nam.- So sánh những tương đồng và dị biệt theo không gian và thời gian giữa các vùng.- Giới thiệu những nét nổi bật của các không gian lịch sử-văn hóa, cái nôi của các nhà nước cổ đại.-Đi sâu giới thiệu quá trình hình thành, phát triển và rút ra những đặc trưng nổi trội của các nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (ở vùng Bắc Bộ); Lâm Ấp, Champa (ở vùng Trung Bộ) và Phù Nam, Chân Lạp (ở vùng Nam Bộ).

3.2.2. Một số đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội trong lịch sử trung đại Việt Nam/Some characteristics of the politics,economyand society in medieval history of Vietnam.

4 TC (36, 48, 180)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu khái quát một số khái niệm và lý luận cơ bản về hình thái kinh tế - xã hội và quá trình chính trị. Phân tích những biến đổi về chính trị và kinh tế - xã hội để chỉ ra những đặc điểm cơ bản của thời kỳ Trung đại. Nêu và phân tích những di sản lịch sử trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội đương đại.

3.2.3. Một số vấn đề về văn hóa- tư tưởng trong lịch sử Việt Nam/ Major Issues of Culture and Ideology in Vietnamese History.

4 TC (36, 48, 180)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu khái quát một số khái niệm và lý luận cơ bản về văn hóa, tư tưởng; Quá trình hình thành, phát triển và những đặc trưng cơ bản của văn hóa truyền thống Việt Nam;Quá trình tiếp biến những giá trị văn hoá, tư tưởng đến từ các nền văn hóa khác (Đạo, Phật, Nho, chủ nghĩa Mác-Lênin);Ảnh hưởng và tác động của di sản văn hóa tư tưởng đến đời sống con người Việt Nam hiện nay.

3.2.4. *Một số vấn đề về chuyển biến kinh tế- xã hội và văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại/ Major Issues of Socio-economic and Cultural Transformation in Modern Vietnamese History.*

4 TC (36, 48, 180)

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát tình hình kinh tế - xã hội và văn hóa thời Cận đại Việt Nam, từ đó thấy rõ những chuyển biến về KT-XH và Văn hóa qua từng giai đoạn lịch sử (nửa cuối thế kỷ XIX, giai đoạn 1900- 1918, giai đoạn 1919- 1945). Chỉ ra được những thành tựu đạt được, hạn chế; nguyên nhân... Trình bày về sự biến đổi của cơ cấu xã hội thông qua các giai đoạn của lịch sử Việt Nam cận đại. Trong từng giai đoạn, học phần tái hiện lại bối cảnh của các tác động về kinh tế, các chính sách chính trị, xã hội tác động tới sự biến đổi của cơ cấu xã hội. Đồng thời làm rõ sự biến đổi của cơ cấu xã hội gắn liền với từng giai đoạn lịch sử khác nhau trong suốt thời kỳ cận đại. Qua đó nêu bật được những nét đặc trưng nổi bật của sự biến đổi đó bao gồm phân tích cả những tác động tích cực, tiêu cực của sự vận động lịch sử. Giới thiệu khái quát những thành tựu nghiên cứu của những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, gợi mở những hướng nghiên cứu mới, và các nguồn tài liệu để tìm hiểu về văn hoá Việt Nam cận đại. Phân tích những thuật ngữ văn hoá, văn minh, tiếp biến văn hoá. Nêu quá trình truyền bá văn hoá, văn minh phương Tây vào Việt Nam. Trình bày chính sách văn hoá của Pháp ở Việt Nam. Phân tích những thái độ ứng xử của tầng lớp trí thức Việt Nam đối với văn hoá phương Tây trong thời kỳ Pháp thuộc. Trình bày những điều kiện mới cho sự du nhập văn hoá phương Tây vào Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trình bày những chuyển biến của văn hoá Việt Nam thời kỳ cận đại: sự chuyển biến trong những loại hình văn hoá truyền thống, sự hình thành và phát triển của những loại hình văn hoá mới.

3.2.5. *Các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận- hiện đại/ Tendencies of Political Theories in Modern- medieval Vietnam.*

4 TC (36, 48, 180)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận và nguồn sử liệu trong nghiên cứu về lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam hiện đại; Giới thiệu về bối cảnh lịch sử và những yếu tố tác động cơ bản đối với sự diễn trình lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam cận đại; Giới thiệu nội dung cơ bản của một số trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại; Gợi ý đánh giá về vai trò lịch sử của các trào lưu tư tưởng chính trị ở Việt Nam cận đại.

3.2.6. *Kháng chiến chống ngoại xâm và tác động đối với quá trình Lịch sử Việt Nam/The Anti-invasion Resistance War and Its Impact on the Process of Vietnamese History.*

4 TC (36, 48, 180)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung vào việc thảo luận những tác động chủ yếu của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đến sự phát triển của lịch sử Việt Nam từ thời trung đại đến nay. Tập trung nhấn mạnh các vấn đề chính sau đây: các nhân tố tác động tới lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam (vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đời sống kinh tế - xã hội, hoàn cảnh lịch sử, bối cảnh quốc tế và khu vực); truyền thống chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ đại và trung đại; tác động của lịch sử tới hai cuộc kháng chiến cứu nước thời cận – hiện đại. Phân tích về những vấn đề cơ bản của nghệ thuật quân sự Việt Nam; Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm. Làm rõ được nguồn gốc sâu xa sức mạnh của nhân dân Việt Nam và sự chỉ đạo tài tình, chiến lược Việt Nam đã làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Từ những thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm rút ra một số bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện tại.

3.2.7. *Về các mô hình thiết chế chính trị và quản lý xã hội ở Việt Nam/ On the models of Political Institutions and Social management in Vietnam*

4 TC (36, 48, 180)

Điều kiện tiên quyết: Không

Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản và toàn diện về khái niệm và lý luận mô hình chính trị và quản lý xã hội; về những yếu tố tác động tới thiết chế chính trị và quản lý xã hội trong lịch sử Việt Nam; Những đặc trưng cơ bản của các mô hình thiết chế chính trị và phương thức quản lý xã hội truyền thống Việt Nam; về các thiết chế quan phương, phi quan phương và mối quan hệ của chúng trong cấu trúc mô hình quản lý xã hội; về quá trình ra đời, phát triển của một số mô hình quản lý xã hội tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam. Ảnh hưởng và tác động của các di sản lịch sử của các thiết chế chính trị, phương thức quản lý xã hội đến tiến trình lịch sử dân tộc và đời sống con người Việt Nam hiện nay.

3.2.8. *Một số vấn đề về quá trình hình thành lãnh thổ và chủ quyền trong lịch sử Việt Nam/ The process of territory and sovereignty in vietnam history*

3 TC (27, 36, 135)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu khái quát quá trình hình thành và phát triển lãnh thổ và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên đất liền, biển và hải đảo; Quá trình thụ đắc lãnh thổ và khẳng

định chủ quyền trên vùng đất phía Nam; Quá trình phát hiện, khai thác nguồn lợi và khẳng định chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Những vấn đề đang đặt ra trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

3.2.9. Chuyên đề Tiến sĩ

Các chuyên đề Tiến sĩ là kết quả tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới của NCS liên quan trực tiếp đến đề tài của luận án tiến sĩ.

3.3. Tiểu luận tổng quan (3 TC)

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Bài tiểu luận tổng quan không quá 30 trang đánh máy giấy A4.

3.4. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

3.4.1. Nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là hoạt động tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Mỗi năm, NCS phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên đề tiến sĩ của mình và phải báo cáo kết quả nghiên cứu vào cuối năm.

Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án Tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ Tiến sĩ. Nếu vì lí do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án, nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Kinh phí đào tạo trong thời gian kéo dài do NCS hoặc do đơn vị cử NCS đi học chi trả.

3.4.2. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với cơ sở đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

Trường đại học Hồng Đức quy định cụ thể quy cách, hình thức trình bày luận án và tóm tắt luận án, đảm bảo luận án và tóm tắt luận án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, không tẩy xóa. Các yêu cầu cụ thể đối với luận án và bảo vệ luận án được thể hiện trong các điều từ 15 đến 22 của *Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ* ban hành kèm theo QĐ số 1308/QĐ-ĐHHD ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Việc đánh giá các học phần bổ sung: thực hiện theo yêu cầu trong Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ hiện hành của trường Đại học Hồng Đức.

4.2. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và chuyên đề của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- b) Việc đánh giá các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá môn học như trong đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức. Các học phần được đánh giá theo thang điểm 10, lẻ đến 2 chữ số thập phân;
- c) Các chuyên đề tiến sĩ nghiên cứu sinh thực hiện dưới sự giúp đỡ của người được phân công hướng dẫn. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm chuyên đề. Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề do Hội đồng chấm chuyên đề thực hiện sau khi nghe nghiên cứu sinh trình bày, trả lời câu hỏi của các thành viên hội

đồng. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 03 thành viên, là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh phó giáo sư, giáo sư. Hình thức đánh giá đối với từng chuyên đề theo thang điểm 10. Điểm của chuyên đề là trung bình cộng các phiếu hợp lệ của các thành viên Hội đồng có mặt và được lấy đến hai chữ số thập phân (không làm tròn). Chuyên đề có điểm dưới 5,0: không đạt yêu cầu; từ 5,0 trở lên đạt yêu cầu.

Nghiên cứu sinh có học phần bổ sung, học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được nhà trường hoặc một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ chấp nhận.

4.3. Đánh giá luận án Tiến sĩ: Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a. Cấp cơ sở (bộ môn)

b. Cấp trường

4.3.1. Điều kiện để luận án của nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ cấp cơ sở:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3 của *Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ* (Ban hành kèm theo QĐ số 1308/QĐ-ĐHHĐ ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức).

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án, trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 bài báo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo khoa học nước ngoài có phản biện;

c) Luận án đáp ứng các yêu cầu về quy cách trình bày luận án theo quy định của Nhà trường;

d) Trích yếu những thông tin chính và những điểm mới của luận án theo quy định của Nhà trường (*Mẫu 30*).

đ) Nghiên cứu sinh có đơn đề nghị xin được bảo vệ luận án cấp cơ sở (*Mẫu 7*), Lý lịch khoa học (*Mẫu 9*); công văn của khoa (*Mẫu 13*) kèm theo danh sách đề nghị thành viên hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở.

e) Có văn bản xác nhận của các đồng tác giả (*Mẫu 10*) cho phép tác giả luận án sử dụng các kết quả nghiên cứu đó để bảo vệ nhận học vị tiến sĩ (nếu công trình đồng tác giả).

g) Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án (*Mẫu 12*);

h) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4.3.2. Đánh giá luận án cấp cơ sở

a) Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 16 *Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ* (Ban hành kèm theo QĐ số 1308/QĐ-ĐHHĐ ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức, trường bộ môn có văn bản đề nghị Hội đồng cấp khoa và Phòng Quản lý Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở. Danh sách đề nghị gồm 15 thành viên theo mẫu quy định của Hiệu trưởng (*Mẫu 13*).

b) Số lượng các nhà khoa học được mời nhận xét tối thiểu 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; có sự tham gia của các nhà khoa học trong và ngoài Trường, số lượng các nhà khoa học đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu 2/3 với tổng số các nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường;

c) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét (*Mẫu 14, 15*) gửi về Phòng Quản lý Sau đại học của trường trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

đ) Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung. Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi được từ $\frac{3}{4}$ số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành và đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng cấp cơ sở, được chủ tịch Hội đồng xác nhận bằng văn bản. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách gồm ít nhất 30 đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh do Bộ môn đề xuất và trình Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số

lượng cá nhân thuộc nhà trường không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án. Nếu luận án có tính chất liên ngành thì tóm tắt luận án cũng phải được gửi tới các cơ quan và các nhà khoa học thuộc liên ngành đó. Danh sách này cần ghi đầy đủ họ tên, học vị, chức danh, chuyên ngành, nơi làm việc của từng nhà khoa học (Mẫu 22). Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh (Mẫu 28).

e) Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

- Đại diện Phòng Quản lý Sau đại học tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Hiệu trưởng.

- Chủ tịch hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 31 *Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ* (Ban hành kèm theo QĐ số 1308/QĐ-ĐHHD ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

- Ủy viên thư ký đọc lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện cần thiết để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.

- Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt luận án không quá 30 phút.

- Phản biện luận án đọc nhận xét.

- Các thành viên hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa.

- Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi.

- Hội đồng họp riêng: các thành viên hội đồng đánh giá luận án (Mẫu 15a), thảo luận Danh sách gửi nhận xét tóm tắt của nghiên cứu sinh tới các cơ quan và các nhà khoa học (Mẫu 19); thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng (Mẫu 16), bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.

- Chủ tịch Hội đồng công bố kết quả đánh giá luận án và kết luận của Hội đồng. Kết luận của Hội đồng cần khẳng định:

+ Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành, có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ trong và ngoài nước hay không, có phù hợp với đề cương nghiên cứu chi tiết đã được phê duyệt hay không. Đề nghị về việc điều chỉnh tên đề tài hoặc thay đổi mã số nếu cần thiết;

+ Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

+ Những kết quả mới đã đạt được;

+ Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa;

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ cả về nội dung và hình thức theo qui định tại Điều 32 của Quy định này;

+ Kết luận: Đề nghị Hiệu trưởng cho phép hoặc chưa cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường.

g) Biên bản cuộc họp đánh giá luận án cấp cơ sở (*Mẫu 17*) cần ghi rõ:

- Thành viên hội đồng có mặt (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc, trách nhiệm trong Hội đồng);

- Khách tham dự (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc);

- Chi tiết diễn biến buổi bảo vệ, những câu hỏi hoặc ý kiến trao đổi, phát biểu của thành viên hội đồng và khách mời (ghi rõ họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hỏi) và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;

- Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở (*Mẫu 19*) có nội dung như quy định tại điểm k, khoản 6 *Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ* (Ban hành kèm theo QĐ số 1308/QĐ-ĐHHĐ ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức).

4.3.3. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường

a) Trên cơ sở ý kiến kết luận trong Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, nghiên cứu sinh chỉnh sửa theo yêu cầu của hội đồng, làm đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường (*Mẫu 21*) trình trưởng khoa và bộ môn. Trưởng khoa, bộ môn lập hồ sơ và công văn (*Mẫu 20, 23*) trình Hiệu trưởng (qua Phòng Quản lý Sau đại học) đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường khi có đủ điều kiện sau:

- Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị cho đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

- Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại điều 17 (*Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ* (Ban hành kèm theo QĐ số 1308/QĐ-ĐHHĐ ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức) tán thành;

- NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

b) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh bao gồm:

- Toàn văn luận án;

- Tóm tắt luận án;

- Trích yếu những thông tin chính và những điểm mới của luận án tiến sĩ bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định của Nhà trường (*Mẫu 30*);

- Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có) quy định tại điểm b khoản 3,4,5 điều 15 (*Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ*);

- Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường (*Mẫu 20*);

- Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

- Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

- Bản nhận xét của 2 phản biện độc lập;

- Những tài liệu khác theo quy định của Nhà trường.

- Biên bản chi tiết nội dung thảo luận (Mẫu 17) và Quyết nghị của Hội đồng (Mẫu 19) tại phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký; Phiếu đánh giá (Mẫu 18a) và Biên bản kiểm phiếu của hội đồng cấp cơ sở (Mẫu 33a).

- Bản giải trình (Mẫu 31) các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng trong thời gian tối đa 3 tháng kể từ ngày được Hội đồng cấp cơ sở thông qua;

- NCS có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a,b,c,d khoản 2 điều này và tài liệu khác do phòng QLĐT sau đại học chuẩn bị.

5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu

5.1. Cơ sở vật chất thiết bị phục vụ dạy học

- Phòng học có trang bị máy Power Point, máy chiếu, micro không dây...

- Phòng học đa năng: Cần trang bị một phòng học đa năng để có thể áp dụng phương pháp dạy học tích cực (Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng có cài đặt các phần mềm ứng dụng vào thiết kế bài dạy Ngữ văn, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác).

5.2. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu

TT	Tên sách, Tạp chí	Nước xuất bản	Năm XB	Số lượng
1	Cuộc Tổng tiến công của quân giải phóng miền Nam Việt Nam năm 1968 (Qua tài liệu lưu trữ của chính quyền Sài Gòn)	Việt Nam	2015	10
2	Về đại thắng mùa xuân năm 1975 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn (Sách tham khảo)	Việt Nam	2015	10
3	Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 - Bộ 9 tập (Xuất bản lần thứ ba)	Việt Nam	2015	10

4	Tổng hành dinh trong mùa xuân toàn thắng (Hồi ức)	Việt Nam	2015	10
5	Đại thắng mùa xuân 1975 – Sự kiện – Hỏi và đáp	Việt Nam	2015	10
6	Đại thắng mùa xuân 1975 thắng lợi của những tư tưởng và tình cảm lớn	Việt Nam	2015	10
7	Đôi mắt với quân thù	Việt Nam	2015	10
8	Thư vào Nam	Việt Nam	2015	10
9	Nhớ lại chuyến đi cấp tốc chiến dịch Hồ Chí Minh mùa xuân 1975	Việt Nam	2015	10
10	Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và TW Cục miền Nam 1954 – 1975	Việt Nam	2015	10
11	Hiệp định Giơnevơ 50 năm nhìn lại	Việt Nam	2015	10
12	Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam - Bộ 4 tập	Việt Nam	2014	10
13	Lược khảo nhân vật lịch sử quân sự tiêu biểu trong sự nghiệp bảo vệ, giải phóng Thăng Long Hà Nội	Việt Nam	2014	15
14	Vành đai diệt mỹ ở chiến trường miền Nam (1965-1973)	Việt Nam	2014	15
15	Đặc trưng công nghệ quân sự Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng	Việt Nam	2014	15
16	Thời kỳ đầu chiến tranh và những vấn đề đặt ra đối với quốc phòng Việt Nam	Việt Nam	2014	10
17	Vai trò của hậu phương Quân khu 4 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	Việt Nam	2014	10
18	Thế trận lòng dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ	Việt Nam	2014	15
19	Hội nghị Trung Giã và Hiệp định Giơnevơ 1954 về Việt Nam	Việt Nam	2014	15

20	Chiến thắng Điện Biên Phủ - Cột mốc vàng lịch sử	Việt Nam	2014	10
21	Chiến thắng Điện Biên Phủ - Sự kiện - Hỏi và đáp	Việt Nam	2014	15
22	Điện Biên Phủ - Trận thắng thế kỷ	Việt Nam	2014	15
23	Điện Biên Phủ	Việt Nam	2014	10
24	Hỏi đáp kháng chiến chống thực dân Pháp	Việt Nam	2014	10
25	Huế & triều Nguyễn	Việt Nam	2014	15
26	Khám phá lịch sử Việt Nam	Việt Nam	2014	15
27	Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam - Tập V: Tổng luận	Việt Nam	2014	10
28	Lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam thời kỳ Lê - Nguyễn	Việt Nam	2013	15
29	Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời Chúa Nguyễn	Việt Nam	2013	10
30	Tư tưởng Phan Bội Châu về con người	Việt Nam	2013	10
31	Hiệp định Pari 40 năm nhìn lại	Việt Nam	2013	15
32	CD – ROM Lịch sử Nam Bộ kháng chiến	Việt Nam	2012	15
33	40 năm nhớ lại trận “Điện Biên Phủ trên không”	Việt Nam	2012	15
34	Nguồn lực trí tuệ Việt Nam - Lịch sử, hiện trạng và triển vọng	Việt Nam	2012	15
35	40 năm Điện Biên Phủ trên không qua tư liệu ảnh (1972-2012)	Việt Nam	2012	15
36	Cách mạng tháng Tám 1945 – Thắng lợi vĩ đại đầu tiên của cách mạng Việt Nam	Việt Nam	2012	10
37	Chính sách đào tạo sử dụng quan lại thời Lê Thánh Tông và công tác cán bộ hiện nay	Việt Nam	2012	15

38	Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris	Việt Nam	2012	10
39	Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam quá khứ và hiện tại	Việt Nam	2011	10
40	Bộ tổng tham mưu những năm chiến đấu trong vòng vây	Việt Nam	2011	10
41	Những vấn đề chính yếu trong lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1945 – 1975	Việt Nam	2011	10
42	Xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng trong thời kỳ mới	Việt Nam	2011	10
43	Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến 1945 - 1975	Việt Nam	2011	15
44	Đồng Khánh Huế - mái trường xưa thân yêu	Việt Nam	2011	15
45	Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập 1 (1945 – 1954)	Việt Nam	2011	15
46	Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập 2 (1954 – 1975)	Việt Nam	2011	15
47	Hà Nội - Huế - Sài Gòn là cây một cội, là con một nhà	Việt Nam	2011	10
48	Đại cương lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX	Việt Nam	2010	10
49	Đại cương lịch sử thế giới trung đại phương Đông - Tập 2	Việt Nam	2010	15
50	Vương triều Lý - Trần với kinh đô Thăng Long	Việt Nam	2010	15
51	Thuận Hóa -Phú Xuân - Thừa Thiên Huế 700 năm hình thành và phát triển	Việt Nam	2010	10
52	Đại thắng mùa Xuân 1975 - Sức mạnh của trí tuệ Việt Nam	Việt Nam	2010	15
53	Hoàng thúc Lý Long Tường	Việt Nam	2010	15
54	Tổng khởi nghĩa tháng tám 1945 ở đồng bằng Bắc bộ	Việt Nam	2010	10

55	Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh	Việt Nam	2015	10
56	Nguyễn Hoàng người mở cõi	Việt Nam	2014	15
57	Võ Nguyên Giáp - Một cuộc đời	Việt Nam	2014	15
58	Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh	Việt Nam	2013	10
59	Đại tướng Nguyễn Chí Thanh người cộng sản kiên trung mẫu mực, nhà lãnh đạo tài năng	Việt Nam	2013	15
60	Giáo sư Tôn Thất Tùng - Người thầy thuốc mẫu mực của nhân dân	Việt Nam	2013	10
61	Hoàng Minh Giám - Người con của thế hệ vàng	Việt Nam	2013	10
62	Tôn Đức Thắng - Một con người bình thường - Vĩ đại	Việt Nam	2013	15
63	Lê Hồng Phong - Chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta	Việt Nam	2013	15
64	Lê Hồng Phong - Chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta	Việt Nam	2012	15
65	Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc, một tấm gương cộng sản mẫu mực	Việt Nam	2012	15
66	Võ Văn Kiệt - Một nhân cách lớn, nhà lãnh đạo tài năng suốt đời vì nước vì dân	Việt Nam	2012	15
67	Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thời đại Hồ Chí Minh	Việt Nam	2012	10
68	Lê Đức Thọ - Người Cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng	Việt Nam	2011	15
69	Hồ Tùng Mậu Người cộng sản kiên trung, mẫu mực	Việt Nam	2012	10

70	Nguyễn Quang Lâm - Cuộc đời trọn vẹn nghĩa tình	Việt Nam	2011	10
71	Nội các Trần Trọng Kim bản chất, vai trò và vị trí lịch sử	Việt Nam	2010	10
72	Trường Chinh một tư duy sáng tạo – một tài năng kiệt xuất	Việt Nam	2010	10
73	Ngoại giao Việt Nam 1945-2000	Việt Nam	2015	10
74	Ngoại giao đa phương tiện trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại	Việt Nam	2015	15
75	Ngoại giao và công tác ngoại giao	Việt Nam	2015	15
76	Nhà Trắng với cuộc chiến tranh Việt Nam	Việt Nam	2014	15
77	Phong trào cánh tả ở Liên bang Nga và mối quan hệ với Đảng Cộng sản Việt Nam	Việt Nam	2014	15
78	Trung Đông và khả năng mở rộng quan hệ hợp tác với Việt Nam	Việt Nam	2013	10
79	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Việt Nam	2013	15
80	Giáo trình Xây dựng Đảng về tổ chức	Việt Nam	2014	10
81	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Việt Nam	2013	10
82	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam	Việt Nam	2015	10
83	Những điển tích Phật giáo kỳ thú	Việt Nam	2015	10
84	Logic học Phật Giáo	Việt Nam	2014	15
85	Chữ Tâm nhà Phật và ảnh hưởng của "Tâm" đối với đời sống đạo đức ở Việt Nam hiện nay	Việt Nam	2014	15

86	Trí tuệ tạo hình người Việt từ hình tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay	Việt Nam	2014	15
87	Giá trị của đạo đức nho giáo trong thời kỳ hiện nay	Việt Nam	2014	15
88	Tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	Việt Nam	2014	10
89	Tôn giáo với dân tộc và chủ nghĩa xã hội	Việt Nam	2013	10
90	Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện	Việt Nam	2013	15
91	Chính sách tôn giáo thời Tự Đức (1848 - 1883)	Việt Nam	2012	15
92	Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo VN	Việt Nam	2011	15
93	Văn hóa Đông Sơn, 90 năm phát hiện và nghiên cứu (1924-2014)	Việt Nam	2014	15
94	Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận	Việt Nam	2012	10
95	A history of the Vietnamese	Cambridge University Press	2013	10
96	Sự hình thành nhà nước sơ khai ở Bắc Việt Nam	Việt Nam	2011	10
97	Thành Tây Đô - Di sản văn hoá thế giới	Việt Nam	2014	15
98	Việt Nam Quốc dân đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam	Việt Nam	2012	15
99	Tính hiện đại và sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam thời cận đại	Việt Nam	2013	15
100	Việt Nam Văn Hóa Sử Cương	Việt Nam	2014	15
101	Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam	Việt Nam	2014	10
102	Văn Hóa Việt Nam	Việt Nam	2013	10
103	Văn hóa Việt Nam những hướng tiếp cận liên ngành	Việt Nam	2015	15

104	Văn Hóa Một Số Vùng Miền Ở Việt Nam	Việt Nam	2013	15
105	Làng Văn hóa cổ truyền Việt Nam	Việt Nam	2013	15
106	Hanoi's war: an international History of the war for peace in VN	The University of North Carolina Press	2012	10
107	Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo	Việt Nam	2013	15
108	Lịch triều hiến chương loại chí (Dư địa chí, bản dịch)	Việt Nam	2014	10
109	Đại Nam nhất thống chí (bản dịch)	Việt Nam	2012	15
110	Tạp chí nghiên cứu Lịch sử	Các số tạp chí từ năm 2012 đến nay	2012- đến nay	500
111	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á	Các số tạp chí từ năm 2012 đến nay	2012- đến nay	500
112	Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc	Các số tạp chí từ năm 2012 đến nay	2012- đến nay	500
113	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH KHXH&NV, ĐH QGHN	Các số tạp chí từ tháng 8/2015 đến nay	8/2015- đến nay	80

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tiên sử Lịch sử Việt Nam được xây dựng theo Văn bản yêu cầu số 352/ĐHHD-SĐH ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

Phòng QL Đào tạo sau đại học, Khoa Khoa học xã hội, Bộ môn Lịch sử và bộ phận được phân công phụ trách có trách nhiệm triển khai kế hoạch đào tạo, đảm bảo đúng Quy định của Nhà trường và Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo. Hiệu trưởng quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ vào chương trình, Trưởng các khoa, các bộ môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần, hồ sơ học phần theo quy định của nhà trường sao cho đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu

của người học và xã hội.

Trưởng khoa chuyên môn phê duyệt đề cương chi tiết học phần; xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế (nếu có); các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo. Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đơn vị làm văn bản trình hội đồng Khoa học & Đào tạo trường xem xét, nếu hợp lý, hội đồng Khoa học & Đào tạo trường trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng./.

**HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒ CHÍ MINH
PGS.TS. Nguyễn Mạnh An